

Poules, round no 1

Poule no 1 0:00

										V/M	ind.	HS	ranking	
GIJS	SV VALIANT	■	4	V	V	2	0	V	V	1	4/8	1	27	5
HINTE	SV VALIANT	V	■	V	4	V	2	V	2	2	4/8	2	30	4
IVAN	SV VALIANT	1	2	■	V	4	1	4	2	2	1/8	-18	21	8
SEBASTIAAN	SKF	1	V	4	■	4	0	4	2	0	1/8	-19	20	9
YDE	SKF	V	2	V	V	■	1	2	4	1	3/8	-10	25	6
MATTEO	SCN	V	V	V	V	V	■	V	V	V	8/8	31	40	1
MARIJN	SCN	3	0	V	V	V	2	■	1	1	3/8	-13	22	7
MARTIN	SV VALIANT	1	V	V	V	V	1	V	■	0	5/8	1	27	3
DINAND	SV VALIANT	V	V	V	V	V	2	V	V	■	7/8	25	37	2

Ranking, round no 1 (ordered by ranking)

ranking	name and first name	club	V/M	ind.	HS
1	MATTEO	SCN	1.000	31	40
2	DINAND	SV VALIANT	0.875	25	37
3	MARTIN	SV VALIANT	0.625	1	27
4	HINTE	SV VALIANT	0.500	2	30
5	GIJS	SV VALIANT	0.500	1	27
6	YDE	SKF	0.375	-10	25
7	MARIJN	SCN	0.375	-13	22
8	IVAN	SV VALIANT	0.125	-18	21
9	SEBASTIAAN	SKF	0.125	-19	20

NNJT 2023 Zwolle Pupillen en Cadetten

Eindstand Pupillen

- | | | |
|----|------------|------------|
| 1. | Martin | SV Valiant |
| 2. | Gijs | SV Valiant |
| 3. | Yde | SKF |
| 4. | Marijn | SCN |
| 5. | Ivan | SV Valiant |
| 6. | Sebastiaan | SKF |

Eindstand Cadetten

- | | | |
|----|--------|------------|
| 1. | Matteo | SCN |
| 2. | Dinand | SV Valiant |
| 3. | Hinte | SV Valiant |